

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Khang

2. Ông Võ Khắc Chương

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 482/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Mỹ L, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà L có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T kết hôn vào tháng 01 năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung thời gian đầu

tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn vợ chồng vẫn chung sống bình thường, cho đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông T có quan hệ tình cảm và có con riêng với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Phan Thị Như Y, sinh ngày 09/02/2004, Phan Thanh S, sinh ngày 08/11/2008 và Phan Hoàng B, sinh ngày 03/6/2020, hiện con đang ở với bố mẹ. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Ông Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ làm cho vụ án kéo dài thời gian giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Mỹ L, xử cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Thanh S, sinh ngày 08/11/2008 và Phan Hoàng B, sinh ngày 03/6/2020 cho bà L nuôi dưỡng; ông Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hoàng Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung đối với ông Phan Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Phan Văn T cư trú tại thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị Mỹ L và ông Phan Văn T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 01/01/2003. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Mỹ L và ông Phan Văn T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L trình bày do cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, hay cãi vã, ông T có quan hệ tình cảm và đã có con riêng với người phụ nữ khác. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp, phiên hòa giải thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để hàn gắn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Hoàng Thị Mỹ L.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung tên là Phan Thị Như Yên, sinh ngày 09/02/2004, Phan Thanh S, sinh ngày 08/11/2008, Phan Hoàng B, sinh ngày 03/6/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung cho đến ngày các con T niên.

Xét thấy, con Phan Thị Như Y đã thành niên, Toà án không xem xét giải quyết, con Phan Thanh Sang có nguyện vọng muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, con Phan Hoàng Bách còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Phan Thanh S và Phan Hoàng B cho bà Hoàng Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị Mỹ L không yêu cầu ông Phan

Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về nợ chung*: Bà L trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Mỹ L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với ông Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Mỹ L được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Con chung Phan Thị Như Y, sinh ngày 09/02/2004 (đã thành niên); Giao 02 con chung tên Phan Thanh S, sinh ngày 08/11/2008 và Phan Hoàng B, sinh ngày 03/6/2020 cho bà Hoàng Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị Mỹ L không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0007907 ngày 22/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Hoàng Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 51, ngày 01/01/2003);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng